

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 209/2026/DS-ST
Ngày 31 – 3 – 2026
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Mỹ Lil
- Bà Nguyễn Huỳnh Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; Căn cước công dân số 096176010356, cấp ngày 18/11/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp Thị Tường, xã H, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Trung H1, sinh năm 1991; Căn cước công dân số 096091012844, cấp ngày 21/12/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp 7, xã C, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của bà H theo văn bản ủy quyền ngày 10/10/2025 (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Chí N, bà Trần Thị D; Địa chỉ: ấp Chà Là, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Chí N và bà Trần Thị D là vợ chồng. Vào ngày 06/01/2024 âm lịch (viết tắt AL), bà Nguyễn Thị H mở dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần vào ngày 06 hàng tháng, dây hụi có 35 chân, vợ chồng bà D tham gia chơi ba chân, hụi mãi ngày 06/11/2026. Quá trình chơi hụi, vợ chồng bà D đã lĩnh hụi cả ba chân hụi, cụ thể: Tại kỳ thứ hai (nhằm ngày 06/02/2024), lĩnh hụi với số tiền

43.680.000 đồng, kỳ thứ thứ tư (nhằm ngày 06/4/2024) lĩnh hội với số tiền 43.400.000 đồng và kỳ thứ tám (nhằm ngày 06/8/2024) lĩnh hội với số tiền 48.050.000 đồng, cả ba chân hội trên đều đã trừ tiền hoa hồng là 1.100.000 đồng/chân. Sau khi hốt hội, bà H đã chung tiền hội cho vợ chồng bà D xong. Do năm 2024 là năm nhuận có hai tháng 6 nên tháng 6 sau, vợ chồng bà D chỉ góp hội chết được số tiền 4.000.000 đồng còn nợ lại 2.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Trong đây hội này, tính đến ngày mãn hội vợ chồng bà D còn nợ mỗi chân hội 16 kỳ hội chết, ba chân hội nợ 48 kỳ hội chết với tổng số tiền là 96.000.000 đồng và số tiền hội trong tháng 6 còn nợ 2.000.000 đồng, tổng số tiền hội vợ chồng bà D còn nợ là 98.000.000 đồng, nên bà H yêu cầu vợ chồng bà D trả số tiền nợ hội trên. Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì thêm.

Đối với ông Lê Chí N, bà Trần Thị D (bị đơn) tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông, bà không đến Tòa, cũng không gửi văn bản đề nghị kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H (nguyên đơn), riêng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đề nghị xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, riêng nguyên đơn đã có lời khai và xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin xét xử vắng mặt của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp về hội. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hội, bị đơn đã lĩnh hội nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp hội cho nguyên đơn, nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc mở dây hội vào ngày 06/01/2024 (AL) giữa các đương sự, tuy không đăng ký với chính quyền địa phương nhưng có lập danh sách hội viên. Trong danh sách hội viên có thể hiện cụ thể nội dung thỏa thuận về hội gồm: Thời gian mở hội, thời gian khai hội, loại hội, số hội viên tham gia, số chân hội bị đơn tham gia trong các dây hội và mỗi lần lĩnh hội, nguyên đơn đã giao đủ số tiền lĩnh hội cho bị đơn (có giấy giao tiền hội kèm theo).

Mặc dù, bị đơn vắng mặt không có lý do và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn song Tòa án đã ban hành thông báo số: 105/TB-TA ngày 26/02/2026 về việc nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án và yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ nhưng đến nay, bị đơn vẫn không cung cấp là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào danh sách hội viên, giấy giao tiền hội có đủ cơ sở xác định việc bị đơn có tham gia giao dịch hội và hiện còn nợ lại tiền hội chết của nguyên đơn là sự thật. Tuy các dây hội, bị đơn tham gia đến nay chưa mãn nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ góp hội sau khi đã lĩnh hội nên nguyên đơn yêu cầu trả tiền hội tính đến khi mãn hội với tổng số tiền 98.000.000 đồng (chín mươi tám triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Lê Chí N, bà Trần Thị D cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 98.000.000 đồng (chín mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, ông N cùng bà D không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Lê Chí N và bà Trần Thị D phải nộp số tiền là 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm nghìn đồng – chưa nộp).

Bà Nguyễn Thị H không phải nộp. Ngày 02/02/2026, bà H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001320 được trả lại toàn bộ cho bà H.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân